ĐỀ 01	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

Họ và tên: ..... Lớp: ..... Điểm: .....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

Câu 1. Số thích hợp điền vào ô trống 1 + □ = 4 là:

A. 2	B. 3	C. 4

Câu 2. Phép tính nào có kết quả bằng 5?

A. 2 + 3	B. 3 + 1	C. 5 − 1

Câu 3. Trong các số 2, 5, 1, 4, số bé nhất là:

A. 2	B. 1	C. 4

Câu 4. Nhóm hình nào có đúng 3 hình tròn?

A.	B.	C.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Điền các số còn thiếu vào ô trống.

a) 1, □, 3, □, 5
b) 5, 4, □, 2, □
c) □, 3, 4, □

Bài 2. Quan sát hình rồi điền số thích hợp.

a) Có ..... quả táo. 	**b) Có ..... ngôi sao.**
c) Có ..... hình vuông. 	**d) Có ..... hình tròn.**

Bài 3. Tính.

a) 1 + 3 = ...	b) 2 + 2 = ...
c) 5 − 2 = ...	d) 4 − 1 = ...

Bài 4. Điền dấu >, < hoặc = vào ô trống.

a) 2 + 1 □ 4	b) 5 − 1 □ 4
c) 3 □ 1 + 1	d) 0 + 5 □ 4

Bài 5. Giải bài toán.

Mai có 2 quyển vở. Cô giáo tặng Mai thêm 3 quyển vở. Hỏi Mai có tất cả bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

ĐỀ 02	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

Câu 1. Số thích hợp điền vào ô trống 5 − □ = 2 là:

A. 1	B. 2	C. 3

Câu 2. Kết quả của phép tính 2 + 1 là:

A. 2	B. 3	C. 4

Câu 3. Dãy số nào được viết theo thứ tự từ bé đến lớn?

A. 1, 3, 2, 4, 5	B. 5, 4, 3, 2, 1	C. 1, 2, 3, 4, 5

Câu 4. Nhóm nào có đúng 2 hình tam giác?

A.	B.	C.
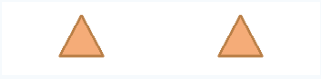		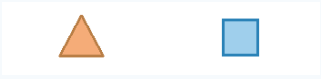

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Điền các số còn thiếu vào ô trống.

a) 0, 1, □, 3, □
b) 5, □, 3, □, 1
c) □, 6, 7, □, 9

Bài 2. Quan sát hình rồi điền số thích hợp.

a) Có ..... hình tam giác. 	**b) Có ..... bông hoa.**
c) Có ..... hình vuông. 	**d) Có ..... ngôi sao.**

Bài 3. Tính.

a) 3 + 2 = ...	b) 4 − 3 = ...
c) 1 + 4 = ...	d) 5 − 4 = ...

Bài 4. Điền dấu >, < hoặc = vào ô trống.

a) 2 + 2 □ 5	b) 3 + 1 □ 4
c) 5 − 3 □ 1	d) 0 + 3 □ 4

Bài 5. Giải bài toán.

An có 5 quả bóng. An tặng bạn 2 quả bóng. Hỏi An còn lại bao nhiêu quả bóng?

Bài giải

ĐỀ 03	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Số thích hợp điền vào ô trống 2 + □ = 5 là:

A. 2	B. 3	C. 4

Bài 2. Kết quả của phép tính 1 + 3 là:

A. 3	B. 4	C. 5

Bài 3. Nhóm hình nào có 4 hình tam giác?

Bài 4. Dãy số nào được viết theo thứ tự từ bé đến lớn?

A. 1, 2, 3, 4, 5	B. 2, 1, 3, 5, 4	C. 5, 4, 3, 2, 1

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Số? Viết số thích hợp vào ô trống:

1	□	3	□	5

Đếm số chấm rồi viết số thích hợp:

● ● ● □	● ● □	● ● ● ● □

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

Bài 2. Viết số. Cho các số: 5, 2, 4, 1, 3.

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

Bài 3. Tính:

a) 1 + 2 = ...

b) 2 + 2 = ...

c) 3 + 1 = ...

d) 4 + 1 = ...

Bài 4. Điền dấu >, <, = vào ô trống:

a) 2 + 1 □ 4

b) 3 + 2 □ 5

c) 4 □ 2 + 1

d) 4 + 1 □ 3

Bài 5. Cho hình sau:

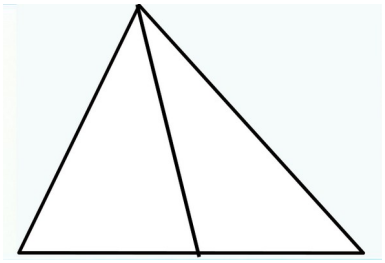

Hình vẽ có ..... hình tam giác.

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

ĐỀ 04	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Số thích hợp điền vào ô trống 3 + □ = 5 là:

A. 1	B. 2	C. 3

Bài 2. Phép tính nào có kết quả bằng 4?

A. 2 + 1	B. 0 + 3	C. 2 + 2

Bài 3. Có 2 quả bóng đỏ và 2 quả bóng xanh. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả bóng?

A. 3 quả bóng	B. 4 quả bóng	C. 5 quả bóng

Bài 4. Hình nào khác với các hình còn lại?

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Điền số còn thiếu:

a) 1, 2, □, 4, □

b) 5, 4, □, 2, □

c) □, 2, 3, □, 5

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

Bài 2. Viết số thích hợp:

a) Có tất cả ..... quả bóng.

b) Có tất cả ..... bông hoa.

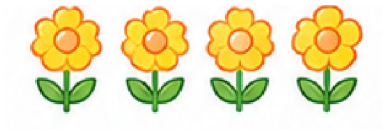

c) Có 2 con chim. Thêm 1 con chim nữa. Có tất cả ..... con chim.

Bài 3. Tính:

a) 1 + 1 = □

b) 2 + 3 = □

c) 1 + 3 = □

d) 2 + 2 = □

e) 5 − 1 = □

f) 5 − 3 = □

g) 4 − 2 = □

h) 3 − 2 = □

Bài 4. Điền dấu >, <, =:

a) 1 + 2 □ 3

b) 2 + 1 □ 4

c) 5 − 2 □ 2

d) 3 + 1 □ 5

Bài 5. Quan sát hình và trả lời. Có hình tam giác và hình tròn:

a) Có □ hình tam giác.

b) Có □ hình tròn.

c) Có tất cả □ hình.

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

ĐỀ 05	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Số liền sau của số 3 là:

A. 2	B. 4	C. 5

Bài 2. Kết quả của phép tính 2 + 2 là:

A. 3	B. 4	C. 5

Bài 3. Điền dấu thích hợp vào ô trống: 2 + 1 □ 5

A. >	B. <	C. =

Bài 4. Dãy hình nào được sắp xếp theo quy luật lặp lại?

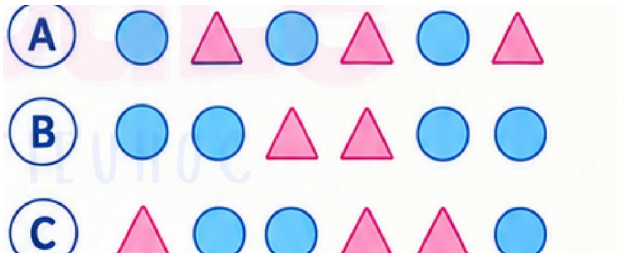

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Viết số hoặc vẽ chấm tròn thích hợp:

a) 2:	b) ● ● ● ● : .....
c) 5:	d) ● ● : .....

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

Bài 2. Sắp xếp các số. Cho các số: 3, 1, 5, 2, 4.

a) Viết theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b) Khoanh vào số lớn nhất: 3 1 5 2 4

c) Khoanh vào số bé nhất: 3 1 5 2 4

Bài 3. Tính:

a) 2 + 1 = □ b) 1 + 4 = □

c) 3 + 2 = □ d) 1 + 3 = □

Bài 4. Điền số thích hợp:

a) 2 + □ = 5 b) 1 + □ = 4

c) 5 − □ = 3 d) 4 − □ = 1

Bài 5. Giải bài toán:

Lan có 2 chiếc kẹo. Mẹ cho Lan thêm 2 chiếc kẹo. Hỏi Lan có tất cả mấy chiếc kẹo?

Phép tính: .....

Trả lời: .....

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

ĐỀ 06	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Câu 1. Số thích hợp điền vào ô trống 1 + □ = 3 là:

A. 1	B. 2	C. 3

Câu 2. Phép tính nào có kết quả bằng 5?

A. 2 + 3	B. 1 + 3	C. 2 + 2

Câu 3. Trong các số 2, 9, 4, 1, số lớn nhất là:

A. 2	B. 4	C. 9

Câu 4. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

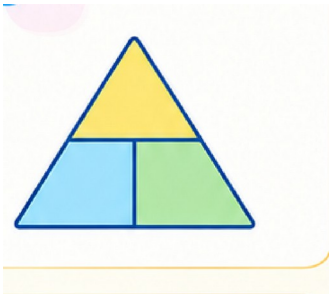

A. 1 hình tam giác	B. 2 hình tam giác	C. 3 hình tam giác

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Số?

a) Số liền sau của 2 là: .....

b) Số liền trước của 5 là: .....

c) Số liền sau của 3 là: .....

d) Số liền trước của 2 là: .....

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

Bài 2. Nối phép tính với kết quả đúng:

PHÉP TÍNH:	1 + 2	2 + 2	1 + 4	3 + 1
KẾT QUẢ:	5	3	4	4

Dùng bút nối các phép tính với kết quả tương ứng.

Bài 3. Tính:

a) 1 + 3 = ...

b) 2 + 1 = ...

c) 2 + 2 = ...

d) 3 + 2 = ...

Bài 4. Điền dấu >, <, =:

a) 2 □ 1 + 2

b) 3 + 1 □ 5

c) 5 − 1 □ 4

d) 2 + 2 □ 3

Bài 5. Quan sát hình. Có hình vuông và hình tam giác:

a) Có ..... hình vuông.

b) Có ..... hình tam giác.

c) Hình nào có nhiều hơn? .....

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

ĐỀ 07	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 1

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Số thích hợp điền vào ô trống 4 + □ = 5 là:

A. 0	B. 1	C. 2

Bài 2. Kết quả của phép tính 1 + 2 là:

A. 2	B. 3	C. 4

Bài 3. Sắp xếp các số 5, 7, 3, 9 theo thứ tự từ lớn đến bé.

A. 5, 9, 3, 7	B. 9, 3, 7, 5	C. 9, 7, 5, 3

Bài 4. Lan có 3 bông hoa, mẹ cho Lan thêm 1 bông hoa. Lan có tất cả bao nhiêu bông hoa?

A. 3 bông hoa	B. 4 bông hoa	C. 5 bông hoa

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Điền số còn thiếu:

a) 1, □, 3, □, 5

b) 8, □, 6, □, 4

c) 2, 3, □, 5

d) □, 7, 8, 9

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT

Bài 2. Viết phép tính thích hợp:

Phép tính: .....

Bài 3. Tính:

a) 1 + 2 = ...

b) 2 + 3 = ...

c) 4 + 1 = ...

d) 1 + 1 = ...

Bài 4. Điền số hoặc dấu thích hợp:

a) 1 + 1 = ...

b) 3 + 1 □ 5

c) 5 − 2 = ...

d) 2 + 2 □ 5

Bài 5. Bình có 1 chiếc ô tô đồ chơi. Bố tặng Bình thêm 3 chiếc. Hỏi Bình có tất cả mấy chiếc ô tô đồ chơi?

Phép tính: .....

Trả lời: .....

Ô LÀM BÀI / LUYỆN VIẾT